TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2023/HNGĐ-ST
Ngày:27-10-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Huy Du

Ông Nguyễn Đức Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 310/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên toà số 16/TB-TA ngày 25 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Tsinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Tây Gi, xã Dương Qu, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Ho, Te-H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 34, ngõ 181, đường Trung Ch 1, cụm 004, phường Thượng Ph, thị trấn Đầu Ph, huyện Miêu L, Đài Loan; vắng mặt và đã được Toà án tống đạt hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nhận ngày 28/11/2022, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Bùi Thị Tthống nhất trình bày:

Chị Bùi Thị Tvà anh Ho, Te- Hkết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 12 năm 2014. Sau khi kết hôn, chị Tuyên và anh Ho, Te- Hchung sống hạnh phúc với nhau tại Đài Loan được

một thời gian đến năm 2016 chị Tuyên sinh con tại Đài Loan. Đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán, chênh lệch về tuổi tác, cách sống không hợp nhau. Đến cuối năm 2019, chị Tuyên và con gái trở về sinh sống với bố mẹ tại Việt Nam. Từ đó đến nay chị Tuyên và anh Ho, Te-Hly thân, không quan tâm liên lạc với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị Tuyên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ho, Te- Hsin.

Về con chung: Chị Tuyên và anh Ho, Te- Hcó 01 con chung là Bùi Thị Yến Nhi, sinh ngày 11/12/2016. Ly hôn chị Tuyên đề nghị nuôi con, bởi hiện tại sau khi về Việt Nam con chung vẫn ở với chị. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Tuyên không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung: Không có, chị Tuyên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết quả uỷ thác cho bị đơn anh Ho, Te- Hsin:

Anh Ho, Te- Hvắng mặt tại phiên toà. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành việc uỷ thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp. Ngày 10/01/2023, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 3948/CH-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ Tư pháp về việc Bộ Tư pháp đã gửi hồ sơ uỷ thác tư pháp cho Bộ tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để tống đạt văn bản tố tụng cho anh Ho, Te- Hsin. Ngày 16/9/2023 Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đã nhận được văn bản số 2214/BTP-PLQT ngày 08 tháng 9 năm 2023 về kết quả uỷ thác tư pháp của Bộ Tư pháp thể hiện: Đã tống đạt hồ sơ trực tiếp cho bị đơn anh Ho, Te- Hsin.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải phòng đã mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng do anh Ho, Te- Hvắng mặt, do đó, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Do vậy, xét xử vắng mặt anh theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tuyên vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến và không có sự thay đổi nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa chị Tuyên và anh Ho, Te- Hđã sâu sắc, không có khả năng khắc phục nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân

và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Txử cho chị Tuyên được ly hôn với anh Ho, Te- Hsin. Về con chung: Chị Tuyên và anh Ho, Te- Hcó 01 con chung là Bùi Thị Yến Nhi, sinh ngày 11/12/2016, chị Tuyên đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với chị Tuyên. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Tuyên tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Tuyên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không phải xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Không có nên chị Tuyên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Tphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn, nguyên đơn là chị Bùi Thị Tđang sinh sống ở Hải Phòng, bị đơn là anh Ho, Te- Hlà người nước ngoài và sinh sống tại Đài Loan, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là chị Bùi Thị Tvắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Ho, Te- Hđã nhận được văn bản tố tụng do Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tống đạt thông qua uỷ thác tư pháp nhưng tại phiên toà vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ . Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tuyên và anh Ho, Te- Hkết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 12 năm 2014 theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Chị Tuyên và anh Ho, Te- Hchỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do việc tìm hiểu giữa hai bên không kỹ, chị Tuyên và anh Ho, Te- Hbất đồng về ngôn ngữ, chênh lệch tuổi tác, không còn quan tâm, liên lạc và không có ý định làm thủ tục đoàn tụ để cùng chung sống. Xét thấy mẫu thuẫn vợ chồng của chị Tuyên và anh Ho, Te- Hđã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Tuyên.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Chị Tuyên và anh Ho, Te- Hcó 01 con chung là Bùi Thị Yến Nhi, sinh ngày 11/12/2016, chị Tuyên đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với chị Tuyên, con chung với chị Tuyên. Hội đồng xét xử, xét thấy cần giao con chung cho chị Bùi Thị Ttrực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị Bùi Thị Txác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Bùi Thị Tphải chịu án phí ly hôn và chi phí tố tụng uỷ thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T ly hôn với anh Ho, Te- Hsin

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Yến Nh, sinh ngày 11/12/2016 cho chị Bùi Thị Tđược trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dung việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Bùi Thị Txác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết

4. Về án phí sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài

- Chị Bùi Thị Tphải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000987 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Chị Bùi Thị Tphải chịu tiền chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000857ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng

Chị Bùi Thị Tđã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Bùi Thị T(vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Ho, Te- H(vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01(một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở tư pháp TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Bình